

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/11/2021

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và ông Ngô Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 10/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 118/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23/6/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXX-ST ngày 28/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 19 ngày 21/10/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1995. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn C, xã X, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn M, sinh năm 1987. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(*Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn M được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/9/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình chồng ở thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến ai, không khí gia đình luôn căng thẳng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị

Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M .

Về con chung: Chị và anh M có hai con chung là Phạm Ánh H , sinh ngày 30/8/2014 và Phạm Ánh N , sinh ngày 30/9/2018. Cả hai cháu Ánh H và Ánh N hiện đang ở cùng anh M . Do chị không đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con nên chị tự nguyện để anh M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh M thông qua gia đình anh M và gửi qua Bru điện, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản trên theo thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh M vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Chị T xin vắng mặt và vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn anh M ; chị xác định không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các con nên chị tự nguyện để anh được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các con chung, anh M cũng không có ý kiến, yêu cầu gì, sau này anh M có yêu cầu thì chị sẽ cấp dưỡng theo yêu cầu của anh M .

Anh M vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho Chị T được ly hôn anh M . Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cả hai cháu Ánh H và Ánh N cho anh M được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh M vắng mặt không có ý kiến gì nên không đặt ra vấn đề giải quyết. Sau này chị T, anh M nếu có yêu cầu giải quyết về con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, sẽ

được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Đây là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện K, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

[2] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa*: Chị Hoàng Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Anh Phạm Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương, là hôn nhân hợp pháp.

[4] *Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Theo trình bày của chị T: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại gia đình nhà chồng, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến ai, không khí gia đình luôn căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ tháng 11/2019 đến nay.

Căn cứ lời khai của ông Phạm Văn Ngh là bố đẻ anh M : Vợ chồng T – M chung sống tại gia đình ông, có cuộc sống bình thường, không có điều tiếng gì. Cuối năm 2019, Chị T bỏ nhà đi mà không rõ lý do. Anh M và gia đình ông không có tác động gì, Chị T đã tự ý bỏ nhà, bỏ cả hai con nhỏ cho anh M và gia đình ông nuôi dưỡng chăm sóc.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương nơi anh M Chị T sinh sống: Bà Trần Thị Ph là chi hội trưởng Chi Hội phụ nữ thôn T, xã Đ và ông Nguyễn Văn M1 là trưởng thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương cung cấp: Vợ chồng T M chung sống tại gia đình ông Ngh (Là bố đẻ anh M), cuộc sống bình thường, không có sự phản ánh nào của chị T, anh M về việc vợ chồng T M có tranh chấp, mâu thuẫn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa Chị T và anh M là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng. Bản thân anh M cũng đã biết việc Chị T xin ly hôn anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để động viên Chị T về đoàn tụ, chứng tỏ anh cũng không còn lưu luyến, không còn tình cảm gì đối với chị T. Việc địa phương không có thông tin

gì về mâu thuẫn vợ chồng Chị T anh M là do anh chị không có ý kiến phản ánh gì nên địa phương không nắm được. Chị T và anh M đã sống ly thân thời gian dài từ tháng 11/2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng Chị T anh M đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị T xin ly hôn anh Phạm Văn M.

[5] Về con chung: Chị T và anh M có hai con chung là Phạm Ánh H, sinh ngày 30/8/2014 và Phạm Ánh N, sinh ngày 30/9/2018. Cả hai cháu Ánh H và Ánh N hiện vẫn đang ở cùng anh M. Do Chị T xác định bản thân chị không đủ điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con nên chị tự nguyện để anh M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung. Xét việc Chị T xác định không đủ điều kiện nuôi con và tự nguyện để anh M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung; bản thân cả hai cháu Ánh H và Ánh N từ trước tới nay vẫn đang ở cùng anh M; cháu Ánh H cũng muốn được ở cùng anh M; bà Đ là mẹ đẻ anh M cũng xác định nếu anh M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc hai cháu Ánh H và Ánh N thì bà cũng hỗ trợ anh M chăm sóc hai cháu, nên xét giao cả hai cháu Ánh H và Ánh N cho anh M được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của anh M, chị T, đảm bảo được việc chăm sóc và thực hiện đầy đủ được quyền lợi mọi mặt của hai cháu Ánh H và Ánh N, phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh M vắng mặt và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết trong vụ án này.

Sau này chị T, anh M nếu có yêu cầu giải quyết về con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị T có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Phạm Văn M.

3/ Về quan hệ con chung: Chị T và anh M có hai con chung là Phạm Ánh H , sinh ngày 30/8/2014 và Phạm Ánh N , sinh ngày 30/9/2018. Cả hai cháu Ánh H và Ánh N hiện đang ở cùng anh M . Giao cả hai cháu Ánh H và Ánh N cho anh M được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi mỗi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4/ Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2018/0006408 ngày 21 tháng 6 năm 2021.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã Đại Đức, huyện Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng Tòa án..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Trung